

Nguyên nhân sự ra đời theo chủ nghĩa Mác – Lênin:

- Kinh tế, xã hội
- Sự vận động và phát triển của KT, XH

Ba lần phân công lao động:

- Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt
- Thủ công tách khỏi nông nghiệp
- Thương nghiệp ra đời

Nhà nước:

- Nghĩa rộng: lãnh thổ, dân cư, chính quyền (bản chất)
- Nghĩa hẹp: là tổ chức & giai cấp

Đặc trưng nhà nước:

- Thiết lập quyền lực: quản lý dân cư
- Có chủ quyền quốc gia
- Ban hành pháp luật
- Thu thuế (bắt buộc)

Cán bộ nhà nước: tuyên truyền

Quyền lực nhà nước:

- Quyền lực kinh tế
- Quyền lực tư tưởng
- Quyền lực chính trị:
 - + Quyền lập pháp → Văn bản pháp luật
 - + Quyền hiến pháp → Tiêu chí
 - + Quyền tư pháp → Xuất xứ

Bản chất của pháp luật:

- Tính giai cấp
- Tính xã hội

→ Luật đưa ra mang tính đơn phương (thể hiện ý chí bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị)

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xã hội (nhân tố định hình các quan hệ xã hội)

Nội dung để phân biệt pháp luật và các quy phạm xã hội: Các thuộc tính pháp luật

- Quy phạm phổ biến:
 - + Điều chỉnh quan hệ xã hội trong nhiều lĩnh vực
 - + Tác động đến mọi chủ thể trong hoàn cảnh pháp luật đã dự liệu
- Tính xác định chặt chẽ về hình thức:
 - + Hình thức: văn bản PL, tập quán pháp, hiến lệ pháp (án lệ)
 - + Thể hiện bằng ngôn ngữ rõ ràng, chính xác, áp dụng trực tiếp
 - + Ban hành theo nhiều thủ tục trình tự
- Tính đảm bảo của nhà nước: kinh tế, chính trị, biện pháp cưỡng chế.

Tập quán

- Hình thức tự pháp và truyền miệng
- Tự giác
- Không mang tính thống nhất

Tập quán pháp

- Được lựa chọn và nâng lên thành PL
- Tự giác và bắt buộc
- Áp dụng thống nhất

Đặc điểm hiến lệ pháp:

- Được hình thành từ cơ quan tư pháp (không phải lập pháp)
- Có khả năng lấp lỗ hổng của hệ thống PL (nguyên nhân hình thành cán bộ)
- Tính thực tiễn cao (quyền lập pháp: bộ luật & đạo luật)
- Đòi hỏi quan chức nhà nước phải có trình độ văn hóa và trình độ văn hóa pháp lý cao

Văn bản luật:

- Chủ thể ban hành: cá nhân, tổ chức, nhà nước → Chỉ những cơ quan được PL cho phép mới được ban hành
- Nhà nước:
 - + Văn bản pháp luật (BLHS 2015)
 - + Văn bản áp dụng PL (bản ánh hình sự) → Sơ thẩm; Phúc thẩm
 - + Văn bản hành chính thông thường
- ❖ Chủ thể nhà nước mới được ban hành PL ? → ☐ Đúng ☒ Sai
- ❖ Mọi văn bản do nhà nước ban hành đều là văn bản PL ? → ☐ Đúng ☒ Sai

So sánh PL và văn bản áp dụng PL:

Giống nhau:

- Điều do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà chức trách ban hành
- Nội dung đều chứa đựng quy trình xử sự
- Điều mang tính quyền lực nhà nước (bảo đảm = nhà nước)

Khác nhau:

Văn bản PL:

- Do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo luật ban hành (BL 2015)
- Chứa đựng các quy phạm PL là quy tắc xử sự chung
- Được sử dụng làm căn cứ pháp luật (nhiều lần) → khi có sự hiện pháp lý diễn ra

Văn bản áp dụng PL (văn bản riêng biệt):

- ... Nhằm tổ chức thực hiện văn bản PL và thực tế ...
- Chứa đựng quy tắc xử sự cụ thể, áp dụng chủ thể xác định
- 1 lần

Loại văn bản pháp luật hiện nay:

- Văn bản pháp luật
- Văn bản dưới luật ≠ áp dụng pháp luật
- ❖ Mọi văn bản luật là mọi văn bản quy phạm pháp luật? → ☒ Đúng ☐ Sai (Ngược lại thì Sai)

Văn bản luật do Quốc hội ban hành (cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất)

- Bao gồm:
 - + Hiến pháp (tương tự pháp lý cao nhất)
 - + Luật (Bộ luật, đạo luật)
 - + Nghị quyết của Quốc hội
- ❖ Mọi văn bản do Quốc hội ban hành đều là văn bản luật? → ☐ Đúng ☒ Sai (→ Nghị quyết)

So sánh Bộ luật và Đạo luật:

Giống nhau:

- Điều do Quốc hội ban hành
- Được Quốc hội thông qua với tỷ lệ phiếu 50%
- Giá trị pháp lý ngang nhau

Khác nhau:

- | | | |
|---------------------|---------------------------------|-----------|
| | Bộ luật: | Đạo luật: |
| - Hình thức: | Số lượng điều luật nhiều (2000) | ... ít |
| - Phạm vi tác động: | Rộng | Hẹp |

Lập hiến ở Việt Nam: 46, 56, 59, 67, 80, 92 (sửa đổi 2001), 2003

❖ Bản hiến pháp nào không phải là hiến pháp của nhà nước CHXHCNVN ? → 56, 67

Văn bản dưới luật: (quốc hội không ban hành)

- Nguyên tắc văn bản dưới luật và các cơ quan ban hành có thẩm quyền ban hành văn bản dưới luật:
 - + Không được trái với các văn bản luật
 - + Pháp lệnh: nghị quyết
- Lệnh → Quy định của Chủ tịch nước
- Lập pháp → Quốc hội
- Hành pháp → Tổng thống
- Tư pháp → Tòa án

Hiến pháp sau pháp luật (46) → Đánh dấu mốc son trong lịch sử lập hiến VN

Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

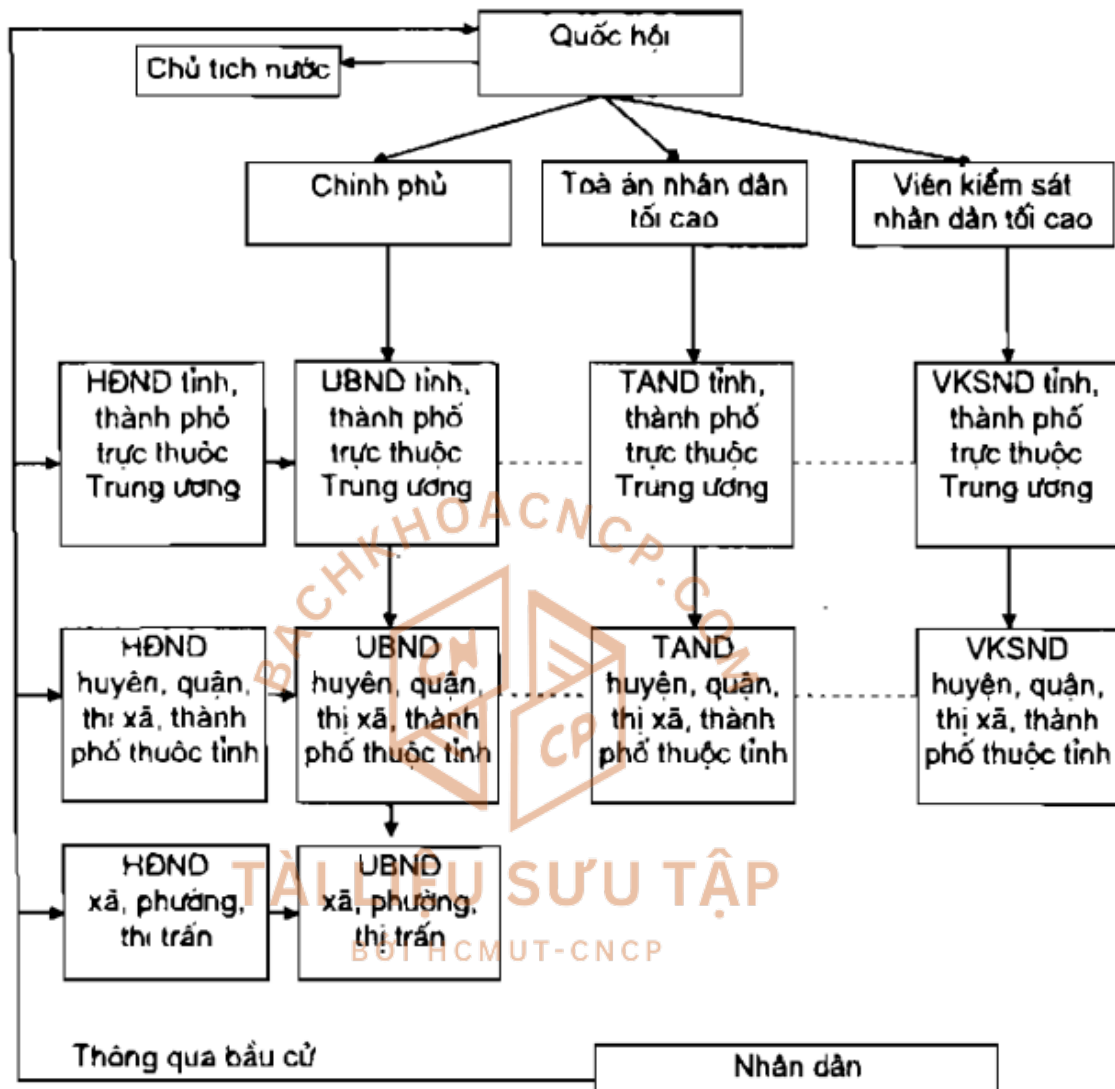
- Nguyên tắc phân chia quyền lực (Tam quyền phân lập) được phân chia:
 - + Quyền lập pháp → Quốc hội
 - + Quyền tư pháp → Tòa án → Viện kiểm sát
 - + Quyền hành pháp → Chính phủ
- ❖ Ở VN, quyền lực nhà nước tập trung ở cơ quan nào ? → Quốc hội
- ❖ Ở VN, quyền lực chính trị nhà nước tập trung ở cơ quan nào ? → Đảng Cộng Sản Việt Nam

TÀI LIỆU SƯU TẬP
BỞI HCMUT-CNCP

Hệ thống cơ quan trong bộ máy nhà nước tại VN:

- Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước:
 - + Cơ quan đại diện: Quốc hội, HĐND các cấp

Mô hình tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam

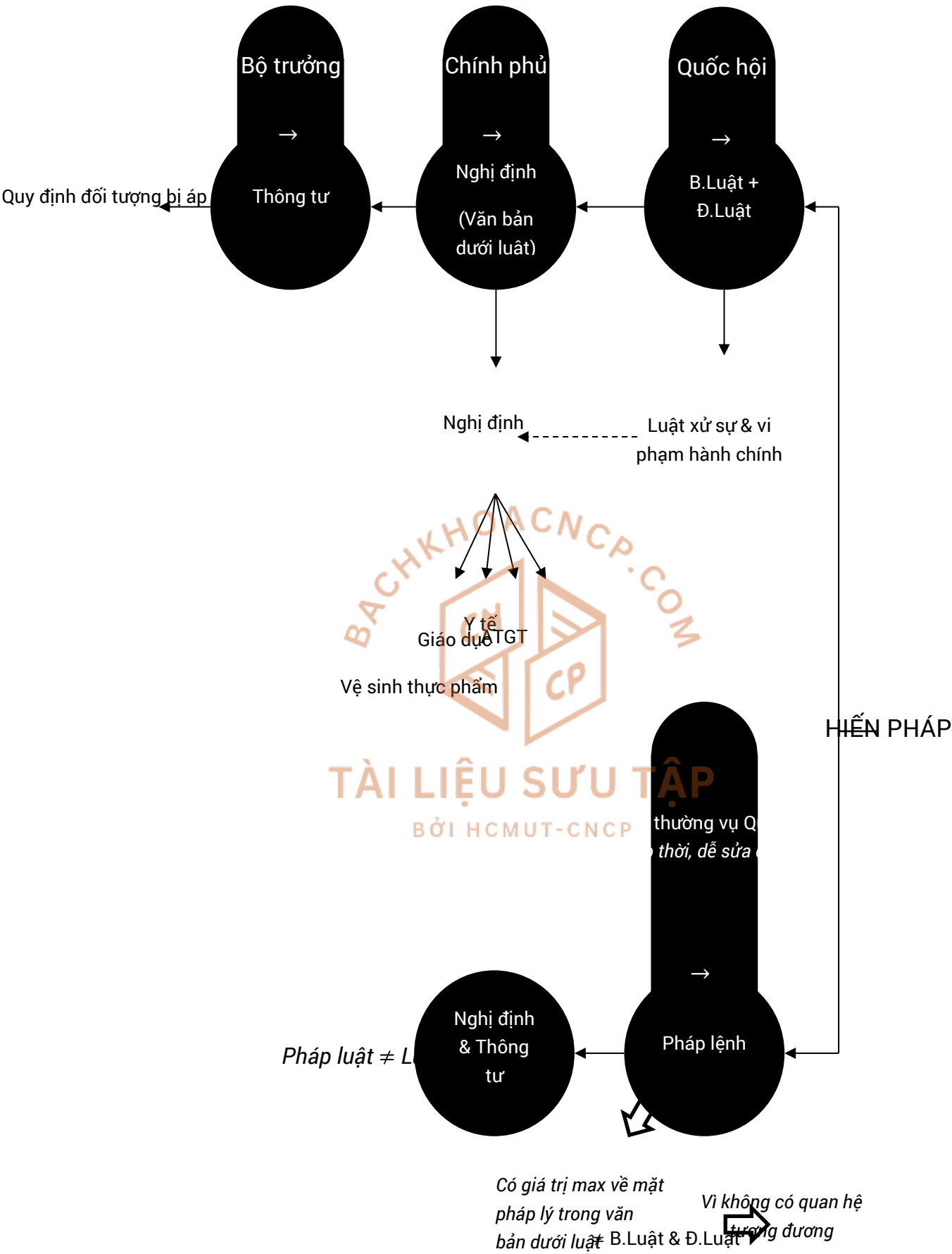


❖ Cơ quan lập pháp là cơ quan đại diện ? → ☒ Đúng ☐ Sai (Ngược lại là Sai)

+ Quốc hội có nhiệm kỳ 5 năm

+ Những chức danh trong bộ máy nhà nước: bắt buộc là đại biểu Quốc hội

- | | | |
|---|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> • Chủ tịch nước (nguyên thủ quốc gia) • Chủ tịch quốc hội • Thủ tướng | } | Bắt buộc là ủy viên bộ chính
trị cơ quan tổ chức Đảng |
| <ul style="list-style-type: none"> • Chánh án tòa án ND tối cao • Viện kiểm sát nhân dân tối cao | } | Bắt buộc là ủy viên ban chấp
hành |



Chức năng của Quốc hội:

- Lập hiến (lập pháp)
- Quy định những vấn đề quan trọng của đất nước
- Giám sát tối cao

Hình thức hoạt động của Quốc hội: (1 năm 2 kỳ)

Hệ thống cơ quan Quản lý Nhà nước: (hành pháp/ hành chính)

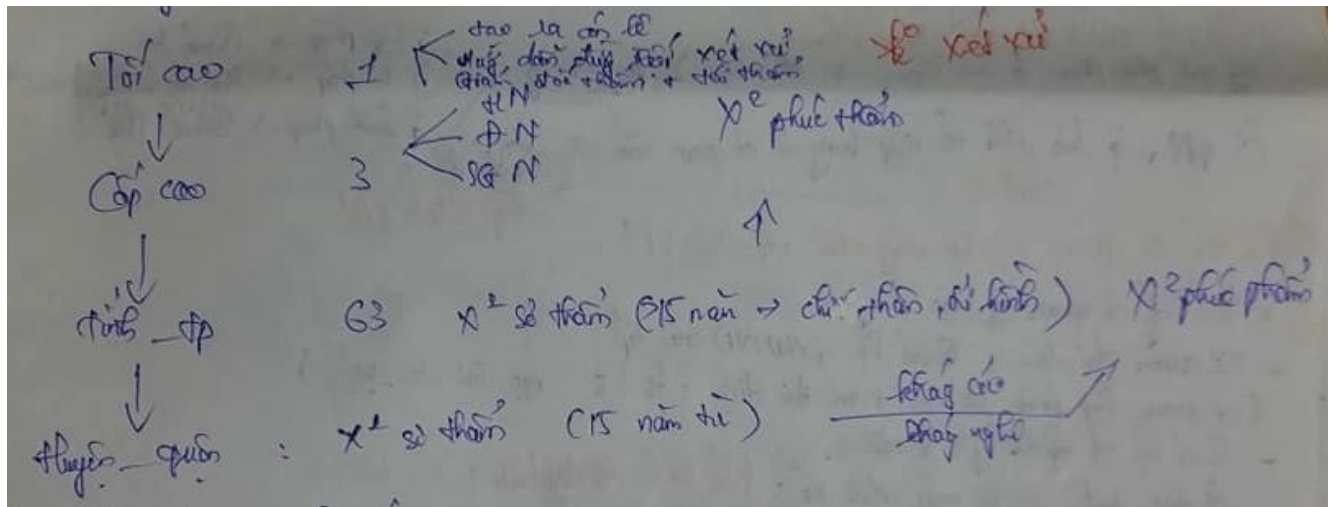
- 4 cấp (Trung ương; Ủy ban nhân dân: Tỉnh, Tp trung ương; Huyện, quận; Xã, phường)
- Chức năng của chính phủ: quản lý nhà nước trên toàn lãnh thổ
- Cơ cấu của chính phủ: Thủ tướng → Các phó thủ tướng → Bộ trưởng → Thủ trưởng cơ quan ngang bộ
 - + Thủ tướng: Do Chủ tịch nước đề nghị + Quốc hội bầu (miễn nhiệm và bãi nhiệm)
 - + Phó thủ tướng: Do Thủ tướng đề nghị + Quốc hội phê chuẩn + Chủ tịch nước ra quyết định
 - + Bộ trưởng: Do Phó thủ tướng đề nghị + Quốc hội phê chuẩn + Chủ tịch nước ra quyết định

Hệ thống cơ quan xét xử:

Tòa án nhân dân:		Tòa án quân sự:	
4 cấp:	<ul style="list-style-type: none">- Huyện, quận- Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương- Cấp cao- Tối cao	3 cấp:	<ul style="list-style-type: none">- Trung ương- Quân khu- Khu vực

Có mấy cấp xét xử: 2 cấp

- Phúc thẩm
- Sơ thẩm



Hệ thống cơ quan kiểm sát:

VKS nhân dân:		VKS quân sự:	
4 cấp:	<ul style="list-style-type: none"> - Huyện, quận - Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - Cấp cao - Tối cao 	3 cấp:	<ul style="list-style-type: none"> - Trung ương - Quân khu - Khu vực

Chức năng:

- Thực hành quyền công tố (quyền nhân danh nhà nước 1 chủ thể phạm tội ra tòa)
- Kiểm sát các hoạt động tư pháp: KS hoạt động điều tra, xét xử thi hành án, tạm giữ, tạm giam người

ĐỀ THI GIỮA KỲ MÔN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

THỜI GIAN: 50 PHÚT (50 câu trắc nghiệm)

(THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TÀI LIỆU)

000

(chọn một đáp án đúng nhất để trả lời)

PHẦN I: NHẬN ĐỊNH

Câu 1: Xét trên phương diện khách quan, pháp luật có nguồn gốc từ nhà nước.

A. Đúng B. Sai

Câu 2: Ở nước ta hiện nay, Chính phủ là cơ quan giữ quyền hành pháp và tư pháp.

A. Đúng B. Sai

Câu 3: Cường chế không phải là cách duy nhất để bảo đảm pháp luật được thực hiện.

A. Đúng B. Sai

Câu 4: Tài sản chung của vợ, chồng phải được chia cho con một phần khi ly hôn.

A. Đúng B. Sai

Câu 5: Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản luật.

A. Đúng B. Sai

Câu 6: Văn bản pháp luật do địa phương ban hành có hiệu lực pháp luật ngang nhau.

A. Đúng B. Sai

Câu 7: Pháp luật phản ánh ý chí của giai cấp bị trị được xem là tính xã hội của pháp luật.

A. Đúng B. Sai

Câu 8: Chỉ những người có quan hệ huyết thống trong phạm vi 03 đời mới bị cấm kết hôn.

A. Đúng B. Sai

Câu 9: Hiến pháp luôn luôn có hiệu lực pháp luật cao nhất.

A. Đúng B. Sai

Câu 10: Tính quy phạm phổ biến của pháp luật được hiểu là pháp luật được phổ biến đến mọi người dân dưới hình thức văn bản.

A. Đúng B. Sai

Câu 11: Chỉ tòa án mới có thẩm quyền xét xử.

A. Đúng B. Sai

Câu 12: Cơ quan hành pháp do cơ quan lập pháp thành lập.

A. Đúng **B. Sai**

Câu 13: Khi ly hôn, con dưới 36 tháng tuổi có thể giao cho người bố nuôi.

A. Đúng **B. Sai**

Câu 14: Mọi cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình đều có quyền đăng ký kết hôn.

A. Đúng **B. Sai**

Câu 15: Giữa ông, bà nội ngoại với cháu nội ngoại là quan hệ huyết thống trực hệ.

A. Đúng **B. Sai**

Câu 16: Mọi tài sản vợ hoặc chồng có được trong thời kỳ hôn nhân đều là tài sản chung.

A. Đúng **B. Sai**

Câu 17: Chỉ vợ, chồng mới có quyền yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn.

A. Đúng **B. Sai**

Câu 18: Khi ly hôn, tài sản chung của vợ chồng luôn được chia đôi.

A. Đúng **B. Sai**

Câu 19: Giữa bác với cháu ruột có mối quan hệ huyết thống thuộc đời 03 của nhau.

A. Đúng **B. Sai**

Câu 20: Khi ly hôn, người nào trực tiếp nuôi con sẽ được chia tài sản chung nhiều hơn.

A. Đúng **B. Sai**

Câu 21: Ở nước ta, chức danh Bộ trưởng được hình thành như thế nào?

A. Do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm

B. Do Chủ tịch nước bổ nhiệm

C. Do Quốc hội phê chuẩn theo sự giới thiệu của Thủ tướng

D. Do Chính phủ bổ nhiệm

Câu 22: Nội dung nào sau đây phù hợp với văn bản pháp luật là “Nghị định”?

A. Là văn bản dưới luật, do Chính phủ ban hành

B. Có hiệu lực pháp luật cao hơn các văn bản dưới luật khác

C. Là văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản pháp luật có hiệu lực cao hơn

D. A và C đúng

Câu 23: Nội dung nào sau đây không phù hợp với hệ thống cơ quan tòa án ở nước ta?

A. Có chức năng xét xử

B. Do cơ quan quyền lực cùng cấp thành lập

C. Được tổ chức gồm bốn cấp

D. A và C đúng

E. A, B và C đúng

Câu 24: Quốc hội không có thẩm quyền nào sau đây?

A. Giám sát tối cao đối với bộ máy nhà nước

B. Ban hành văn bản luật

C. Ban hành văn bản dưới luật

D. A và B đúng

E. A, B và C đúng

Câu 25: Chủ thể nào sau đây có thẩm quyền ban hành văn bản dưới luật?

A. Quốc hội

B. Thủ tướng

C. Bộ trưởng

D. Chủ tịch nước

E. B, C, D đúng

Câu 26: Khi giải quyết yêu cầu nào sau đây không bắt buộc tòa án tiến hành thủ tục hòa giải?

A. Vợ, chồng yêu cầu tòa chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân

B. Tòa giải quyết ly hôn theo yêu cầu của một bên

C. Vợ, chồng thuận tình yêu cầu tòa giải quyết ly hôn

D. A và B đúng

E. A và C đúng

Câu 27: Theo Mác, nguồn gốc ra đời của nhà nước là do:

A. Tổ chức thị tộc tan rã

B. Sự xuất hiện chế độ tư hữu, giai cấp và đấu tranh giai cấp

C. Pháp luật xuất hiện

D. B và C đúng

E. A, B và C đúng

Câu 28: Nội dung nào sau đây là thuộc tính của pháp luật?

A. Tính quy phạm phổ biến

B. Tính xã hội của pháp luật

C. Tính giai cấp của pháp luật

D. A, B và C đúng

E. B và C đúng

Câu 29: TAND cấp nào sau đây có thẩm quyền xét xử sơ thẩm các vụ án theo thẩm quyền của mình và xét xử phúc thẩm các bản án của tòa án cấp dưới?

- A. TAND tối cao B. TAND cấp cao
- C. TAND cấp tỉnh** D. TAND cấp huyện
- E. C và D đúng

Câu 30: Tài sản chung của vợ, chồng gồm:

- A. Thu nhập hợp pháp của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân
- B. Mọi tài sản mà vợ, chồng có được trong thời kỳ hôn nhân
- C. Mọi tài sản mà vợ, chồng được tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân
- D. A và C đúng** E. A, B, C đúng

Câu 31: Anh Hùng và chị Ngọc cùng nộp đơn yêu cầu tòa án giải quyết thuận tình ly hôn. Biết rằng, thời điểm này chị Ngọc đang mang thai 7 tháng. Vậy, tòa án có tiếp nhận và giải quyết ly hôn không?

- A. Không, vì chị Ngọc đang mang thai
- B. Không, vì vợ, chồng không được thuận tình ly hôn khi vợ đang mang thai
- C. Có, vì đây là sự thuận tình của hai vợ chồng**
- D. A, B đúng E. A, B và C đúng

Câu 32: Trách nhiệm pháp lý của cá nhân, tổ chức được đặt ra khi:

- A. Cá nhân, tổ chức có hành vi trái pháp luật
- B. Cá nhân, tổ chức có hành vi VPPL**
- C. Cá nhân, tổ chức có hành vi gây hậu quả, thiệt hại cho xã hội
- D. A và B đúng E. B và C đúng

Câu 33: Khác với văn bản luật, nội dung nào sau đây **chỉ** phù hợp với văn bản dưới luật?

- A. Có hiệu lực pháp luật thấp hơn Hiến pháp
- B. Có hiệu lực pháp luật thấp hơn văn bản luật
- C. Không do Quốc hội ban hành
- D. B và C đúng** E. A, B và C đúng

Câu 34: Khi vợ, chồng ly hôn, việc chia sản chung dựa trên căn cứ nào sau đây?

- A. Lỗi của bên vợ hoặc chồng dẫn đến hậu quả ly hôn
- B. Tính đến công sức đóng góp của các bên

C. Mức cấp dưỡng cho con sau khi vợ, chồng ly hôn

D. A và B đúng

E. A, B và C đúng

Câu 35: Ông A và bà B có con chung là C (bé gái 30 tháng tuổi). Ông A và bà B nộp đơn yêu cầu tòa giải quyết thuận tình ly hôn và thỏa thuận ông A nuôi con. Thỏa thuận việc nuôi con như vậy là:

A. Sai, vì con chưa đủ 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ nuôi

B. Sai, vì C là bé gái phải giao cho mẹ nuôi

C. Đúng, nếu ông A có điều kiện nuôi con

D. Sai, việc nuôi con phải do tòa án quyết định nên vợ, chồng không có quyền thỏa thuận

Câu 36: Giữa những người nào sau đây có quan hệ huyết thống thuộc đời 3 của nhau?

A. Anh chị em ruột

B. Dì ruột với cháu ruột

C. Anh chị em con nhà chú, bác, cô, cậu, dì ruột của nhau

D. A, B và C đúng

Câu 37: Trần Nam có con là Trần Tuấn và Trần Hùng. Trần Hùng có con là Trần Dũng và Trần Hà. Mối quan hệ huyết thống giữa người nào sau đây là trực hệ?

A. Trần Tuấn với Trần Hùng

B. Trần Nam với Trần Tuấn

C. Trần Tuấn với Trần Hà

D. A và B đúng

Câu 38: Thúy gọi Thùy là dì ruột; Thùy là con ruột của Thúy. Xét về quan hệ huyết thống:

A. Giữa Thúy và Thùy, Thúy thuộc đời 3, Thùy thuộc đời 2

B. Giữa Thúy và Thùy, Thúy thuộc đời 1, Thùy thuộc đời 2

C. Giữa Thùy và Thùy, Thùy thuộc đời 4, Thùy thuộc đời 2

D. A, C đúng

E. A, B và C đúng

Câu 39: Nhân có căn nhà là tài sản riêng (trước khi kết hôn) cho thuê mỗi tháng được 10 triệu đồng. Sau khi cưới vợ, tiền cho thuê nhà là tài sản chung hay tài sản riêng của Nhân?

A. Tài sản chung, vì đây là thu nhập hợp pháp của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân

B. Tài sản riêng, vì nó phát sinh từ căn nhà, cũng là tài sản riêng của Nhân

C. Tài sản chung, vì mọi tài sản vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân đều là tài sản chung

D. A và B đúng

Câu 40: Vợ chồng bà Loan và ông Phú có tài sản chung là 1 tỷ. Do không thống nhất việc sử dụng số tiền này nên hai vợ chồng thỏa thuận chia mỗi người 500 triệu. Nếu bà Loan lấy 500 triệu gửi tiết kiệm thì tiền lãi là:

A. Tài sản riêng của bà Loan

B. Tài sản chung, vì đây là thu nhập hợp pháp của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân

C. Tài sản chung, vì hai vợ chồng không có thỏa thuận là tài sản riêng của bà Loan **D. B và C đúng**

Câu 41: Điểm khác nhau cơ bản giữa pháp luật với các quy phạm xã hội khác (như đạo đức, tập quán, tín điều tôn giáo...) là:

- A. Chỉ pháp luật mới có tính quy phạm
- B. Chỉ pháp luật mới có tính bắt buộc chung
- C. Chỉ pháp luật mới được nhà nước bảo đảm thực hiện
- D. B và C đúng**

Câu 42: Hành vi trái pháp luật được hiểu là:

- A. Không thực hiện hành vi pháp luật quy định
- B. Thực hiện hành vi pháp luật không quy định
- C. Thực hiện hành vi quá giới hạn pháp luật quy định

D. A,B và C đúng E. A, B đúng

Câu 43: Nhận định nào đúng về cơ quan quyền lực ở nước ta

- A. Cơ quan quyền lực là cơ quan có chức năng lập pháp
- B. Cơ quan quyền lực do cử tri bầu ra
- C. Cơ quan quyền lực được tổ chức 04 cấp
- D. B và C đúng**

Câu 44: Hiến pháp đầu tiên ở nước ta xuất hiện vào năm nào?

- A. Năm 1945
- B. Năm 1946**
- D. Năm 1954
- E. Năm 1975

Câu 45: Lập luận nào sau đây đúng?

- A. Mọi văn bản pháp luật không được trái Hiến pháp
- B. Những văn bản pháp luật ban hành sau Hiến pháp không được trái Hiến pháp
- C. Hiến pháp do Quốc hội ban hành nên có hiệu lực ngang với các văn bản khác do Quốc hội ban hành

D. A, B, C đúng **E. A và B đúng**

Câu 46: Khi giải yêu cầu thuận tình ly hôn, tòa án không được:

- A. Điều chỉnh thỏa thuận chia tài sản chung
- B. Điều chỉnh thỏa thuận về việc nuôi con chung
- C. Tiến hành hòa giải
- D. A và B đúng**

Câu 47: Cơ quan nào có quyền giám sát hoạt động xét xử của tòa án?

- A. Chính phủ
- B. Bộ Công an
- C. Viện kiểm sát**
- D. B, C đúng

Câu 48: Điều 14 Hiến pháp năm 2013 nước ta quy định “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết*”, điều này được hiểu là:

- A. Quốc hội là cơ quan duy nhất ban hành quy định hạn chế quyền con người, quyền công dân
- B. Quyền con người, quyền công dân có thể bị hạn chế trong các văn bản pháp luật
- C. Quyền con người, quyền công dân có thể bị hạn chế trong các văn bản dưới luật
- D. Quyền con người, quyền công dân chỉ bị hạn chế trong các văn bản luật
- E. A và D đúng

Câu 49: Nhà nước ra đời nhằm mục đích:

- A. Xóa bỏ mâu thuẫn giai cấp
- B. Xóa bỏ đấu tranh giai cấp
- C. Xóa bỏ mâu thuẫn xã hội
- D. Thiết lập lại trật tự xã hội

Câu 50: Văn bản dưới luật được ban hành nhằm:

- A. Quy định chi tiết văn bản luật
- B. Triển khai thi hành văn bản luật
- C. Cụ thể hóa nội dung văn bản luật
- D. A, B và C đúng
- E. B và C đúng



ĐỀ THI CUỐI KỲ MÔN: PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
THỜI GIAN: 50 PHÚT (50 CÂU TRẮC NGHIỆM)
(KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TÀI LIỆU)

-----o0o-----

(Hãy chọn một đáp án ĐÚNG NHẤT để trả lời)

PHẦN I: Nhận định (chọn đáp án đúng hoặc sai để trả lời) (2 điểm)

Câu 1: Người lập di chúc có quyền không chia di sản cho con chưa đủ 18 tuổi hay con mất khả năng lao động.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 2: Quy định địa điểm mở thừa kế nhằm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết tranh chấp thừa kế.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 3: Người thừa kế phải chia di sản tại địa điểm mở thừa kế.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 4: Trong tố tụng hình sự, Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất giữ vai trò buộc tội đối với bị cáo.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 5: Khi chia thừa kế theo di chúc, chỉ những người nào được chia trong di chúc mới được hưởng di sản.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 6: Ở Việt nam, Bộ luật Hình sự là văn bản pháp luật duy nhất quy định về hành vi phạm tội và hình phạt.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 7: Hình phạt bổ sung được thi hành ngay sau khi bản án hình sự phát sinh hiệu lực.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 8: Người thừa kế theo pháp luật chỉ có thể là cá nhân.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 9: Anh chị em họ (con nhà bác, chú, cô, cậu, dì ruột của nhau) có thể được làm chứng cho nhau trong việc lập di chúc.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 10: Người bị kết án 30 năm tù do phạm nhiều tội phải thi hành ít nhất 20 năm mới có thể được trả tự do.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 11: Khi chia thừa kế theo pháp luật, những người ở hàng thừa kế thứ nhất được chia phần nhiều hơn so với người ở hàng thừa kế thứ hai và thứ ba.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 12: Khác với vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hình sự phải là hành vi gây ra hậu quả.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 13: Bản án hình sự phúc thẩm có thể bị kháng cáo để xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.

A. Đúng **B.** Sai

Câu 14: Trong mọi trường hợp, người không có quyền hưởng thừa kế thì không được hưởng thừa kế.

A. Đúng B. Sai

Câu 15: Tội phạm và hình phạt được qui định trong Bộ luật Tố tụng hình sự.

A. Đúng B. Sai

Câu 16: Việc chia thừa kế di sản đối với động sản là 10 năm, kể từ thời điểm lập di chúc.

A. Đúng B. Sai

Câu 17: Trong mọi trường hợp, cha dượng hoặc mẹ kế với con riêng không được hưởng thừa kế của nhau.

A. Đúng B. Sai

Câu 18: Án treo không phải là hình phạt.

A. Đúng B. Sai

Câu 19: Pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội danh qui định trong luật Hình sự.

A. Đúng B. Sai

Câu 20: Hình phạt bổ sung chỉ được áp dụng khi điều luật có qui định.

A. Đúng B. Sai

PHẦN 2: LÝ THUYẾT (chọn một đáp án đúng nhất) (2 điểm)

Câu 21: Khi lập di chúc bằng văn bản:

A. Không viết tắt, không viết ký hiệu B. Đánh số trang

C. Ký tên hoặc điểm chỉ vào từng trang D. A và B đúng

E. A, B và C đúng

Câu 22: Nội dung nào sau đây không phù hợp với khái niệm tội phạm?

A. Hành vi phạm tội có thể là hành vi chưa gây ra thiệt hại

B. Hành vi phạm tội luôn là hành vi nguy hiểm cho xã hội

C. Tội phạm chỉ có thể là cá nhân

D. Hành vi phạm tội thuộc lỗi cố ý hoặc vô ý

Câu 23: Bộ luật tố tụng hình sự không quy định:

A. Thời hạn điều tra vụ án hình sự B. Thời hạn tạm giam

C. Thủ tục xét xử vụ án hình sự D. Thời hạn giảm hình phạt

Câu 24: Trong tố tụng hình sự, chức danh hội thẩm nhân dân:

A. Bắt buộc phải có trong thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm

B. Không thuộc thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm

C. Không thuộc biên chế của tòa án

D. A, B và C đúng

Câu 25: Nội dung nào sau đây không phù hợp với việc chia thừa kế theo pháp luật?

- A. Anh chị em ruột thuộc hàng thừa kế thứ hai
- B. Con nuôi được hưởng thừa kế của bố mẹ nuôi
- C. Con chưa thành niên được hưởng thừa kế bằng 2/3 suất của người khác cùng hàng thừa kế.
- D. Chia thừa kế theo pháp luật là chia đều cho những người ở cùng 1 hàng thừa kế

Câu 26: Hình phạt tù có thời hạn được áp dụng đối với loại tội phạm nào:

- A. Ít nghiêm trọng
- B. Nghiêm trọng
- C. Rất nghiêm trọng
- D. Đặc biệt nghiêm trọng
- E. A, B, C, D đúng

Câu 27: Nội dung nào sau đây không phù hợp với nguyên tắc áp dụng hình phạt?

- A. Một hành vi phạm tội có thể bị áp dụng nhiều hình phạt bổ sung.
- B. Tù có thời hạn là hình phạt duy nhất được áp dụng cho tất cả các loại tội phạm.
- C. Một hành vi phạm tội có thể bị áp dụng nhiều hình phạt chính.
- D. Không áp dụng án treo đối với người phạm tội tái phạm.

Câu 28: Nội dung nào sau đây phù hợp với di chúc bằng văn bản do người để lại thừa kế tự lập?

- A. Không bắt buộc phải có người làm chứng
- B. Phải tự tay viết, không đánh máy
- C. Pháp luật không quy định thời hạn mất hiệu lực của di chúc bằng văn bản
- D. A và C đúng
- E. A,B,C đúng

Câu 29: Biện pháp cưỡng chế nào sau đây là hình phạt?

- A. Cấm đi khỏi nơi cư trú
- B. Bắt buộc chữa bệnh
- C. Tạm giam
- D. Quản chế

Câu 30: Trong tố tụng hình sự, bản án hình sự đã có hiệu lực có thể bị kháng nghị để giải quyết lại theo thủ tục giám đốc thẩm khi có căn cứ nào sau đây?

- A. Có những tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án;
- B. Có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án;
- C. Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.
- D. Kết luận trong bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án;

PHẦN 3: BÀI TẬP (chọn một đáp án đúng nhất) (6 điểm)

Câu 31: Bà Tiến có con là Hạ và Quang; Hạ có vợ là Yến, có hai con chung là Bình và An; vợ chồng Hạ và Yến có tài sản chung là 240 triệu. Bà Tiến chết để lại di sản 300 triệu và lập di chúc chia cho Hạ và Quang mỗi người 150 triệu. Nếu bà Tiến và Hạ chết cùng thời điểm thì Yến được chia di sản:

- A. 120 triệu B. 65 triệu
- C. 40 triệu D. 140 triệu

Câu 32: Ông Thanh lập di chúc miệng nhờ 02 người làm chứng đều trên 18 tuổi và có khả năng nhận thức, gồm: ông Tài (bạn ông Thanh) và Hòa (con bác ruột ông Thanh). Trong di chúc, ông Thanh chia đôi di sản cho 02 người con N và M (đều đã thành niên và có khả năng lao động); đồng thời nêu rõ không chia cho K (chưa đủ 18 tuổi) và cũng không chia cho vợ là P. Vậy:

- A. Ông Thanh nhờ Hòa làm chứng là trái pháp luật thừa kế
- B. Ông Thanh nhờ Hòa làm chứng là đúng pháp luật thừa kế
- C. Vợ (P) và con (K) thuộc đối tượng được hưởng thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc
- D. A và C đúng E. B và C đúng

Câu 33: Lê Z phạm tội nên bị truy tố theo khoản 1 Điều 153 BLHS “*Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác chiếm giữ hoặc giao cho người khác chiếm giữ người dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm*” và Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phạt từ 3 năm đến 5 năm tù giam, vậy:

- A. Hội đồng xét xử chỉ được tuyên án trong mức Viện kiểm sát đề nghị
- B. Hội đồng xét xử được tuyên án trong phạm vi từ 3 năm đến 7 năm tù giam
- C. A và B đúng D. B, C đúng

Câu 34: Ông Vinh có ba người con là Thành, Chánh và Nga. Ngày 1.3.2015, ông Vinh lập di chúc chia cho Thành 180 triệu và Chánh 90 triệu (không cho Nga vì lúc này Nga mới 16 tuổi). Ngày 1.8.2018 ông Vinh chết và phát sinh tranh chấp thừa kế. Biết rằng, vào thời điểm này các con ông Vinh đều có khả năng lao động. Vậy phương án chia thừa kế là:

- A. Nga: 90 triệu, Thành 90 triệu và Chánh 90 triệu
- B. Nga: 60 triệu, Thành 140 triệu và Chánh 70 triệu
- C. Thành 180 triệu và Chánh 90 triệu
- D. Nga: 60 triệu, Thành 150 triệu và Chánh 60 triệu

Câu 35: Ông Danh lập di chúc con là Tâm và An mỗi người 900 triệu. An có con Nhân và Nhẫn. Giả sử An và ông Danh chết cùng thời điểm thì di sản sẽ được chia:

- A. Tâm: 900 triệu; Nhân và Nhẫn mỗi người 450 triệu
- B. Tâm: 1,2 tỷ; Nhân và Nhẫn mỗi người 300 triệu
- C. Tâm: 1,35 tỷ; Nhân và Nhẫn mỗi người 225 triệu
- D. Tâm, Nhân và Nhẫn mỗi người 600 triệu

Câu 36: Lê K bị Viện kiểm sát truy tố theo khoản 1 Điều 153 BLHS “*Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác chiếm giữ hoặc giao cho người khác chiếm giữ người dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm*”. Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm 2 thẩm phán và 1 hội thẩm nhân dân xét xử vụ án hình sự và tuyên phạt Lê K 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Nội dung nào trong tình huống này không đúng pháp luật?

- A. Thời gian thử thách dài hơn mức án treo
- B. Tội của Lê K là tội nghiêm trọng
- C. A phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt
- D. Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm

Câu 37: Kể từ ngày chấm dứt hôn nhân, con được sinh ra trong khoảng thời gian nào sau đây được coi là con chung của vợ chồng?

- A. 9 tháng 10 ngày B. 280 ngày
- C. 290 ngày D. 300 ngày

Câu 38: Ngày 1.4.2013, Lê Văn An bị khởi tố tội trộm cắp tài sản nhưng được cho tại ngoại để điều tra. Ngày 1.7.2013 Tòa phạt An 27 tháng cải tạo không giam giữ. Ngày 1.1.2014 An phạm tội lừa đảo nên bị bắt tạm giam; ngày 1.7.2014 Tòa phạt An ba năm tù tội lừa đảo. Vậy, kể từ ngày 1.7.2014, An phải tiếp tục chấp hành hình phạt là:

- A. 34 tháng tù giam B. 32 tháng tù giam
- C. 40 tháng tù giam D. 37 tháng tù giam

Câu 39: Đông phạm tội đánh bạc bị Tòa phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 3 năm. Thi hành được 15 tháng, Đông phạm tội cố ý gây thương tích, bị tòa kết án 5 năm tù giam. Bản án chung đối với Đông là:

- A. 5 năm 7 tháng B. 8 năm tù giam
- C. 6 năm 9 tháng D. 7 năm tù giam

Câu 40: Ông Nhân có hai người con là Hùng và Hậu (Hậu có vợ là Hoa, có hai con chung là Vân và Hải). Vợ chồng Hậu và Hoa có tài sản chung là 1,2 tỷ. Nếu Hậu chết, Hoa được chia thừa kế là:

- A. 600 triệu B. 200 triệu C. 150 triệu D. 750 triệu

Câu 41: Nếu bản án hình sự sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật mà cơ quan có thẩm quyền phát hiện có nhiều tình tiết mới chưa được tòa sơ thẩm xem xét thì có thể:

- A. Kháng nghị để tái thẩm
- B. Kháng nghị để giám đốc thẩm
- C. Kháng nghị để xét xử phúc thẩm
- D. Kháng cáo để xét xử phúc thẩm

Câu 42: Ông Tư có con là Lâm, Lâm có con là Sơn và Thủy; ông Tư có người anh ruột là Nam. Vậy:

- A. Giữa ông Sơn và Thủy thuộc hàng thừa kế thứ hai của nhau
- B. Giữa ông Tư và Thủy thuộc hàng thừa kế thứ ba của nhau
- C. Giữa ông Nam và Thủy thuộc hàng thừa kế thứ hai của nhau
- D. A và B đúng
- E. A và C đúng

Câu 43: M trộm cắp của K 80 triệu đồng nên bị Tòa phạt 4 năm tù giam và buộc trả lại cho K 80 triệu đồng cộng lãi suất (tính theo lãi suất ngân hàng). Việc Tòa buộc M trả lại cho K 80 triệu đồng cộng lãi suất là:

- A. Hình phạt chính
- B. Biện pháp tố tụng
- C. Hình phạt bổ sung
- D. Biện pháp tư pháp

Câu 44: Ngân (29 tuổi) phạm tội theo khoản 1 Điều 129 BLHS “Người nào vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”. Ngân bị Tòa phạt 03 năm tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 5 năm. Nội dung nào sau đây phù hợp pháp luật hình sự?

- A. Tội của Ngân thuộc ít nghiêm trọng, vì mức hình phạt thấp nhất của khung là 01 năm
- B. Việc cho Ngân hưởng án treo là không đúng, vì khoản 1 Điều 129 không quy định
- C. Tội của Ngân thuộc ít nghiêm trọng, vì được Tòa cho hưởng án treo
- D. Tội của Ngân thuộc loại tội phạm nghiêm trọng.

Câu 45: Phú có con Tuấn, Thành và Hòa (Tuấn có vợ và có con là Xuân và Thu), ông Phú có tài sản riêng là 600 triệu, lập di chúc ngày 20/1/2016 chia cho Tuấn 300 triệu, Thành và Hòa mỗi người 150 triệu. số tiền 600 tr của ông Phú gửi tiết kiệm và đáo hạn vào ngày 15/7/2016. Ông Phú chết vào ngày 26/3/2016. Các con ông Phú thỏa thuận chia thừa kế vào ngày đáo hạn sổ tiết kiệm, nhưng sau đó, anh Tuấn bị tai nạn và chết vào ngày 20/6/2016. Phương án chia 600 triệu của ông Phú sẽ là:

- A. Thành 210tr, Hòa 210 tr, Vợ Tuấn 60tr, Xuân 60tr, Thu 60tr.

B. Thành 250tr, Hòa 250tr, Xuân 50 tr, Thu, 50 tr.

C. Thành 150 tr, Hòa 150 tr, Vợ Tuấn 100 tr, Xuân 100 tr, Thu 100 tr.

D. 600 triệu chia đều cho Thành và Hòa vì anh Tuấn đã chết trước khi chia thừa kế.

Câu 46: Ông Tuất một người con là Hải, có hai người em ruột là Đông và Nam. Hải có vợ và một người con là Chung. Ông Tuất chết có 3 tỉ để lại thừa kế. Nếu Hải chết trước hoặc chết cùng thời điểm với ông Tuất thì phương án chia thừa kế sẽ là:

A. 3 tỉ chia đều cho tất cả những người thuộc 3 hàng thừa kế.

B. 3 tỉ chia cho vợ và con của Hải vì là hàng thừa kế thứ nhất của Hải.

C. 3 tỉ chia cho Chung là cháu được hưởng thừa kế thế vị.

D. 3 tỉ chia đều cho Đông, Nam, Chung vì đều thuộc hàng thừa kế thứ 2 của ông Tuất.

Câu 47: Ông Lắm có ba người con: Hùng, Hưng và Hà (Hùng có con là Hòa và Phát; Hưng đã thành niên và có khả năng lao động, Hà 16 tuổi). Ông Lắm có 450 và lập di chúc cho Hưng và Hùng mỗi người một nửa di sản. Sau khi ông Lắm chết được ba ngày thì Hùng chết. Nếu có tranh chấp, di sản sẽ được chia theo phương án nào sau đây?

A. Hưng 225 triệu, Hà 225 triệu

B. Hưng 275 triệu, Hà 175 triệu

C. Hưng 175 triệu, Hà 100 triệu; Hòa và Phát mỗi người 175 chia đôi

D. Hưng 225 triệu; Hòa và Phát mỗi người bằng 225 chia đôi

E. Hưng 225 triệu, Hà 100 triệu; Hòa và Phát mỗi người bằng 125 chia đôi

Câu 48: Vợ chồng bà Thủy và ông Tài có tài sản chung là 18 tỷ; ông Tài có một người con riêng là Nhân (16 tuổi, có khả năng lao động). Do cuộc sống không hạnh phúc nên trước khi chết, bà Thủy lập di chúc cho chị gái mình là Loan hưởng toàn bộ di sản; đồng thời nêu rõ không cho ông Tài hưởng di sản. Nếu có tranh chấp thì bà Loan được chia di sản là:

A. 3 tỷ

B. 6 tỷ

C. 9 tỷ

D. 2 tỷ

Câu 49: Sau khi bị tạm giam 6 tháng, ông X bị tòa đưa ra xét xử 02 tội, trong đó tội thứ nhất bị xử phạt 13 năm tù giam và tội thứ hai bị phạt 18 năm tù giam. Tòa tổng hợp hình phạt như thế nào?

A. 29 năm 6 tháng tù giam

B. 30 năm tù giam

C. 31 năm tù giam

D. 20 năm tù giam

Câu 50: Ngọc (29 tuổi) phạm tội theo khoản 1 Điều 151 BLHS “*Người nào đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm*”. Nội dung nào sau đây phù hợp với tình huống này?

- A. Ngọc không thể được áp dụng án treo, vì khoản 1 Điều 151 BLHS không quy định án treo
- B. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Ngọc là 05 năm, kể từ ngày Ngọc phạm tội.
- C. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Ngọc là 05 năm, kể từ ngày Ngọc bị bắt
- D. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Ngọc là 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi.

----- HẾT -----

